

BOTH	RMC	ROLLING MONTHLY ENTRY CAPACITY	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	SMC	SURRENDER MONTHLY CHARGE	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	SCI	SECTION 1 REBATE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	IPY	IP LONG TERM FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	IPQ	IP QUARTERLY FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	IPM	IP MONTHLY FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	IPD	IP DAILY FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	IPI	IP DAILY INTERRUPTIBLE CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	CMP	CMP SURRENDER CHARGES	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	LTP	LONG TERM USE IT OR LOSE IT CHARGE	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	APY	ADJUSTMENT TO IP LONG TERM FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	APQ	ADJUSTMENT TO IP QUARTERLY FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	APM	ADJUSTMENT TO IP MONTHLY FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	APD	ADJUSTMENT TO IP DAILY FIRM CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	API	ADJUSTMENT TO IP DAILY INTERRUPTIBLE CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	AMP	ADJUSTMENT TO IP CMP SURRENDER CHARGE	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	ATU	ADJUSTMENT TO LONG TERM USE IT OR LOSE IT CHARGE	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	BSS	BACTON SPLIT BUY CHARGE	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	ABA	ADJUSTMENT TO BSS CHARGE	NTE	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NTE
BOTH	BSS	BACTON SPLIT SELL CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
BOTH	ABS	ADJUSTMENT CHARGE FOR BSS CHARGE	NTE	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NTE
NXC - NTS EXIT FLAT CAPACITY INVOICE (Gemini Invoice)									
BOTH	ABE	ADJUSTMENT CHARGE OF XBE	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	ABF	ADJUSTMENT CHARGE TO XBF	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	ABP	ADJUSTMENT CHARGE TO XBP	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	AOV	ADJUSTMENT CHARGE TO XOY	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	AXA	ADJUSTMENT CHARGE TO XXA	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	AXB	ADJUSTMENT CHARGE TO XNB	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	AXD	ADJUSTMENT CHARGE TO XND	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	AXF	ADJUSTMENT CHARGE TO XNF	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	AXO	ADJUSTMENT CHARGE TO XNO	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	NXA	NTS EXIT LONG TERM	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	NXB	NTS EXIT DAILY FOR BUYBACK	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	NXD	NTS EXIT DAILY FIRM	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	NXF	NTS EXIT OFF TAKE FLOW RED	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	NXO	NTS EXIT DAILY OFFPEAK	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	XBE	NTS EXIT OPTION CONTRACT EXER	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	XBF	NTS EXIT FORWARD CONTRACT	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	XBP	NTS EXIT OPTION CONTRACT PREM	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	XOV	NTS EXIT OVERRUN	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	EL	NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP LONG TERM FIRM CHARGE	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	ER	NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP ROLLING MONTHLY FIRM CHARGE	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	ESD	NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP DAILY FIRM CHARGE	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	SUC	CMP SURRENDER CHARGES	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	LUC	LONG TERM USE IT OR LOSE IT CHARGE	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	AEL	ADJUSTMENT TO NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP LONG TERM FIRM	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	AER	ADJUSTMENT TO NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP ROLLING MONTHLY FIRM CHARGE	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	AED	ADJUSTMENT TO NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP DAILY FIRM CHARGE	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	AEO	ADJUSTMENT TO NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP SHORT TERM OFF	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
BOTH	ALC	ADJUSTMENT TO LONG TERM USE IT OR LOSE IT CHARGE	NXC	TPN	NTS	4	VA	20.0000	NXC
BOTH	EIO	NTS EXIT (FLAT) CAPACITY IP SHORT TERM OFF-PEAK CHARGE	NXC	TPN	NTS	8	VA	20.0000	NXC
OTA - OPTIONAL TARIFF (Gemini Invoice)									
BOTH	SHO	OPTNL NTS COMM TARIFF ADJ CHRG	OTA	TPN	NTS	8	VA	20.0000	OTA
OWG - OWN USE GAS									
BOTH	840	NTS EXIT COMMODITY CHARGE NCO	OWG	TPN	NTS	8	VA	20.0000	OSG
PNS - PRIME AND SUBS INVOICE									
BOTH	N05	MONTHLY PRIME / SUB READ	PNS	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	PNS
BOTH	N06	NON MONTHLY PRIME / SUB READ	PNS	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	PNS
TSV - TRANSPORTER SITE VISIT									
BOTH	M44	DISABLEMENT OF SUPPLY - DEBIT	TSV	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	TDS
BOTH	M45	DISABLEMENT OF SUPPLY - CREDIT	TSV	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	TDS
BOTH	M46	ISDR DN ABORTED SITE VISIT CR	TSV	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	TDS
BOTH	M47	ISDR DN ABORTED SITE VISIT DR	TSV	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	TDS
BOTH	M48	MUS DN SITE VISIT CR	TSV	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	TDS
BOTH	M49	MUS DN SITE VISIT DR	TSV	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	TDS
UPI - USER PAYS TYPE INVOICE									
BOTH	W07	MUS READS CR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W08	MUS READS DR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W13	UNC PROPOSAL DEVELOP CHARGE CR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W14	UNC PROPOSAL DEVELOP CHARGE DR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W17	SETTLEMENT ERROR CLAIM CR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W18	SETTLEMENT ERROR CLAIM DR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	N28	SHIPPER AGREED READS CREDIT	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	N29	SHIPPER AGREED READS DEBIT	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W15	USER PAYS ONE OFF CHARGE CR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W16	USER PAYS ONE OFF CHARGE DR	UPI	TPN	BOTH	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W01	AUGE DEVELOPMENT CHARGE CR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W02	AUGE DEVELOPMENT CHARGE DR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W03	AUGE ONGOING CHARGE CR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
BOTH	W04	AUGE ONGOING CHARGE DR	UPI	TPN	LDZ	8	VA	20.0000	UPI
INB (BCM Contingency Invoice) - This is a Contingency invoice type, to be used during BCM arrangements. Any charge type can be associated to this invoice type during BCM			INB						
INR (Generic Request To Bill Invoice) - This is a Request To Bill invoice type. Any charge type can be associated to this invoice type.			INR						